

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 979/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2020

V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Quý

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Như – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1467/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2019 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Huyền T (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoài N (vắng mặt)

Địa chỉ: Số ấp N, xã B, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Năm 2014, bà T có quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Hoài N và chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn do ông N đã có vợ. Từ tháng 8/2017, bà T đã chấm dứt mối quan hệ với ông N. Trước đây bà T yêu cầu ly hôn với ông N nhưng nay bà T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông N.

Về con chung: Bà T và ông N có một con chung tên Nguyễn Hoài A (sinh ngày 20/10/2015). Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A từ nhỏ vì ông N còn có gia đình riêng. Từ tháng 8/2017, bà T và ông N chấm dứt quan hệ tình cảm, cháu A vẫn sống chung với bà T. Từ tháng 7/2019, ông N bắt cháu A đi và không cho bà T

gặp con. Tháng 9/2019, bà T có trình báo sự việc với Công an xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn. Ngày 19/11/2019, Công an huyện Hóc Môn có văn bản thông báo cho bà T là việc tranh chấp quyền nuôi dưỡng cháu A là quan hệ dân sự và đề nghị các bên khởi kiện tại Tòa án nếu không thỏa thuận được. Cuối tháng 11/2019, ông N giao cháu A lại cho bà T nuôi dưỡng. Ngày 19/12/2019, khi bà T không có ở nhà, ông N cùng với những người lạ đến bắt cháu A đi (lúc này bà ngoại đang giữ cháu) mà không có sự đồng ý của bà T. Bà T có trình báo sự việc này với Công an xã Tân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Từ đó đến nay, ông N không cho bà T gặp con, bà T tìm hiểu thì được biết ông N không sống chung với cháu A mà giao cháu A cho người khác chăm sóc, bà T không biết hiện cháu A đang ở đâu. Nay, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoài A, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hoài N vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con, bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[5] Trong quá trình tố tụng, vì bị đơn ông Nguyễn Hoài N không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh hoặc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được.

[6] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Nguyễn Hoài N không có đăng ký kết hôn do vậy căn cứ quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận bà T và ông N là vợ chồng.

[7] Về con chung: Bà T và ông N có một con chung tên Nguyễn Hoài A (sinh ngày 20/10/2015). Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoài A, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[8] Hội đồng xét xử nhận định việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Căn cứ kết quả xác minh và trả lời của Công an xã Tân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận thì vào ngày 19/12/2019, cháu Nguyễn Hoài A đang sống cùng với bà T thì được ông N đưa đi. Tuy nhiên theo kết quả xác minh tại Công an xã Bà Diễm, huyện Hóc Môn và Ủy ban nhân dân xã Bà Diễm, huyện Hóc Môn thì hiện tại ông Nguyễn Hoài N đang cư trú tại địa chỉ E ấp N, xã B, huyện H nhưng cháu A không có sống chung với ông N tại đây. Theo lời trình bày của bà T thì từ khi ông N đưa cháu A đi đến nay bà T không được ông N cho gặp con. Hành vi của ông N ảnh hưởng quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà T theo quy định tại Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A từ khi sinh ra, cuộc sống cháu A và bà T đã ổn định, ông N mang cháu A đi nơi khác nhưng không sống chung với cháu A, không trực tiếp nuôi con là vi phạm quyền của con chưa thành niên theo quy định tại khoản 3 Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận định việc giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng và ông N không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử quyết định tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông N cho đến khi có yêu cầu.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, bà T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Nguyễn Hoài N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoài A (sinh ngày 20/10/2015) cho bà Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Hoài N cho đến khi có

yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0074207 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H. Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam